


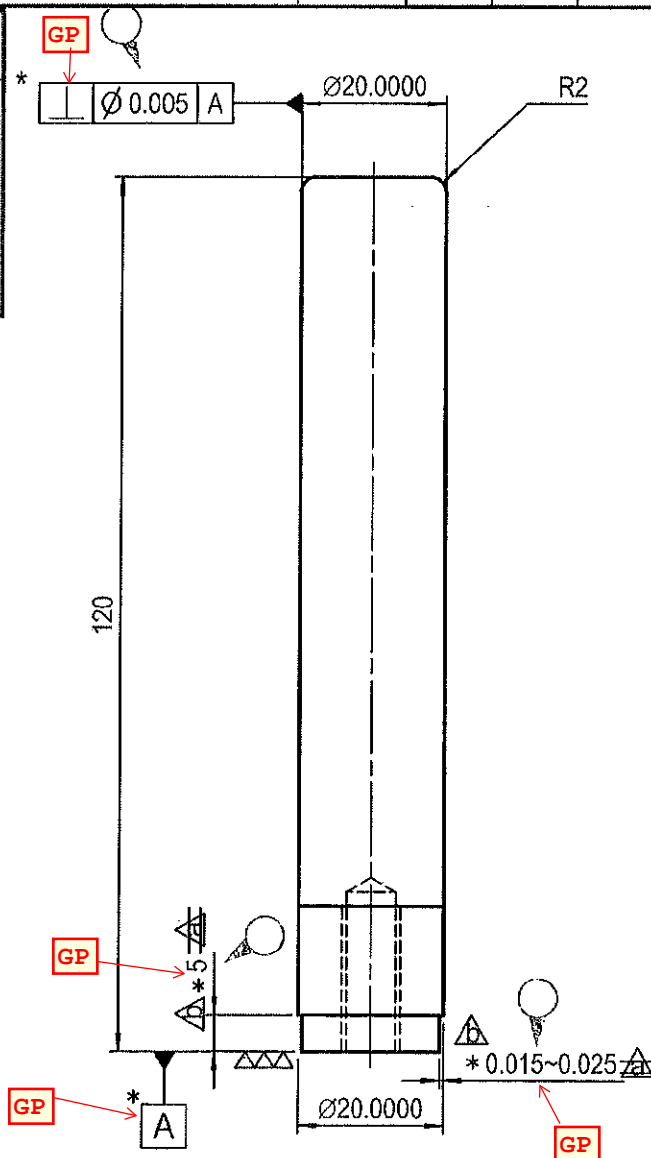


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/09/14	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
a	2019/11/01	製品圖變更(同現物)		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
b	2022/09/22	追記		Siau_Mei_Yng	Lin_Wei_Cheng	Lang_Jin_Yinn	0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
							0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
									0.0 -0	+0.1 -0

XUẤT BẢN VẼ BẢN VẼ DÙNG CHẾTẮC - NGHIỆM THU HỦY SAU KHI HOÀN TẤT DO NOT COPY 2023.12.26 P.QLKTSX VDM		* GP 		TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED	
		*  $\sqrt{0.005}$ A $\varnothing 20.0000$ R2		FINISH MARKS	
					



ガイドポスト

MISUMI

VGPN20-120


* 印購入修正(KC-057)

*: Correct after purchasing.(KC-057)

ポスト底面をG加工にて直角にすること(KC-066)

Square the bottom face of post up and G process.(KC-066)

S CHUẨN ✖

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Rung			部品図 PART DRAWING	サブガイドポスト SUB GUIDE POST
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品圖	副导向支柱 副導向支柱
Lin_Wei_Cheng		1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE		
Lin_Wei_Cheng	HRC ~	A4V	2018/09/14	R179484

SNO: R179484	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: Xuất hàng K2 Quy cách:VGPN20-120	GP:40 KT